

KẾ HOẠCH

Tuyên truyền Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị “về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (sau đây gọi tắt Nghị quyết 23-NQ/TW); Ban Tuyên giáo Huyện ủy hướng dẫn một số nội dung tuyên truyền như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Giúp cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân hiểu rõ kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 18/01/2002 của Bộ Chính trị khoá IX “về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001-2010” và Kết luận số 12-KL/TW, ngày 24/10/2011 của Bộ Chính trị “về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên”; vị trí, vai trò, tầm quan trọng của vùng, những tiềm năng, lợi thế để phát triển nhanh và bền vững, đạt được nhiều kết quả to lớn, quan trọng; đồng thời, nắm vững các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 23-NQ/TW.

- Triển khai học tập, nghiên cứu, quán triệt nội dung Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 152/NQ-CP, ngày 15/11/2022 “ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 152/NQ-CP) để tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW; sự thống nhất trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng Tây Nguyên.

- Công tác tuyên truyền cần chủ động thông tin kịp thời đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong toàn hệ thống chính trị, tạo thành đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng; đồng thời, tích cực tham mưu chỉ đạo, định hướng, hướng

dẫn, phối hợp với các cấp, các ngành, các cơ quan nhằm thực hiện tốt công tác tuyên truyền trong Nhân dân, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

II. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN

1. Tuyên truyền một số kết quả nổi bật sau 20 năm triển khai thực hiện các Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 18/01/2002 của Bộ Chính trị khoá IX và Kết luận số 12-KL/TW, ngày 24/10/2011 của Bộ Chính trị “về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên”:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng khá nhanh, bình quân giai đoạn 2002-2020 là 7,98%, cao nhất trong 6 vùng của cả nước. Công nghiệp phát triển mạnh; tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp bình quân giai đoạn 2002-2020 đạt 12,8%/năm, cao nhất trong 6 vùng.

- Đã trở thành vùng sản xuất nông sản lớn của cả nước, với các sản phẩm chủ lực có nhu cầu thị trường cao, nhất là cây công nghiệp, cây ăn quả (cà phê, cao su, chè, dược liệu, hồ tiêu, bơ...).

- Du lịch được đẩy mạnh, Tây Nguyên đang trở thành vùng du lịch sinh thái - văn hóa có sức hấp dẫn lớn. Bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ nguồn nước được chú trọng.

- An sinh xã hội được bảo đảm; tỷ lệ hộ nghèo giảm khá nhanh. Hệ thống giáo dục, đào tạo, y tế được quan tâm đầu tư. Các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

- Giá trị văn hóa của các dân tộc được bảo tồn, kế thừa và phát huy, nhiều di tích văn hóa lịch sử được tu bổ, tôn tạo. Chính sách dân tộc, tôn giáo được thực hiện tốt, khơi dậy và nâng cao ý thức đoàn kết, tính tự lực trong việc phát triển sản xuất, giảm nghèo.

- Thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân được củng cố vững chắc; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được bảo đảm.

- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được chú trọng. Phát huy tốt vai trò của Già làng, Người có uy tín; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, góp phần tạo động lực thúc đẩy phát triển vùng.

Những hạn chế, khó khăn, thách thức:

- Phát triển kinh tế chưa ổn định, chưa bền vững; Quy mô GRDP, năng suất lao động thấp nhất trong 6 vùng của cả nước. Cơ cấu nội ngành và giữa các ngành chuyển dịch chậm. Ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa được chú trọng đúng mức.

- Tăng trưởng nông nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào mở rộng quy mô. Công nghiệp chế biến chưa tương xứng với tiềm năng. Quy mô khu vực dịch vụ còn khiêm tốn, chưa có nhiều sản phẩm chất lượng cao.

- Các địa phương trong vùng đều chưa tự cân đối được ngân sách. Huy động vốn đầu tư chưa hiệu quả, nhất là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Liên kết nội vùng và liên vùng chưa chặt chẽ. Mạng lưới kết cấu hạ tầng vùng, liên vùng thiếu và yếu, nhất là hạ tầng chiến lược.

- Phát triển văn hóa chưa ngang tầm với kinh tế. Nhiều di sản văn hóa dân tộc đang đứng trước nguy cơ mai một. Chất lượng giáo dục, đào tạo, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của người dân chưa đáp ứng được yêu cầu. Bảo vệ rừng, an ninh nguồn nước còn bất cập.

- Số hộ nghèo, cận nghèo lớn, nguy cơ tái nghèo còn cao. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới còn thấp (xếp thứ 5/6 vùng).

- Tình hình an ninh, trật tự còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Công tác đàm phán, phân giới cắm mốc biên giới chưa hoàn thành.

2. Tuyên truyền, quán triệt nội dung Nghị quyết số 23-NQ/TW, Nghị quyết số 152/NQ-CP; đây là Nghị quyết rất quan trọng, cần thiết và cũng thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước đối với đồng bào các dân tộc vùng Tây Nguyên.

3. Tập trung tuyên truyền quan điểm, mục tiêu và một số chỉ tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó, chú trọng tuyên truyền nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: phát triển kinh tế vùng nhanh và bền vững; phát triển văn hoá - xã hội và nguồn nhân lực; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; phát triển kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, du lịch đặc sắc; tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách liên kết vùng; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

4. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, Nhân dân nhận thức sâu sắc những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đảng về công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, gắn với tuyên truyền các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị của tỉnh; các chính sách đặc thù về công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững...

5. Tuyên truyền vai trò và tầm quan trọng của vùng và liên kết vùng, liên vùng để tạo không gian kinh tế thống nhất, khắc phục các điểm nghẽn, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao khả năng cạnh tranh vùng.

6. Tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các nghị quyết, kết luận, quy định của BCHTW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và của tỉnh, huyện về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) và Kết luận số 21-KL/TW của Hội nghị Trung ương 4 (khóa XIII) về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; Kết luận 01-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/W; Kế hoạch số 20-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 29-KH/HU, ngày 10/9/2021; Kế hoạch số 39-KH/HU, ngày 18/02/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với các quy định nêu gương, bằng các giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, đồng bộ, sáng tạo. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo; bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu hợp lý, có sự chuyển giao, kế thừa chặt chẽ giữa các thế hệ.

7. Tuyên truyền nhân rộng gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt; đấu tranh với các thông tin, quan điểm sai trái xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quy hoạch, xây dựng, quản lý phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 do các thế lực thù địch, phản động phát tán trên mạng xã hội.

8. Tuyên truyền việc đổi mới, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; xây dựng bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở: “Liêm chính, hành động, phục vụ Nhân dân”; cán bộ, công chức: “Liêm chính, năng động, sáng tạo, tận tụy, hết lòng vì Nhân dân”. Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; việc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công.

III. HÌNH THỨC, BIỆN PHÁP TUYÊN TRUYỀN

1. Tuyên truyền trên báo chí, trang thông tin điện tử của các ban, ngành, địa phương và trên Internet, lan tỏa trên các mạng xã hội (Facebook, Zalo, Youtube...): tin bài ngắn gọn, video, clip, hình ảnh...

2. Tuyên truyền thông qua các ấn phẩm như bản tin, tài liệu, tờ rơi, tờ gấp... với nội dung phù hợp, phong phú; có thể xây dựng những tài liệu chuyên đề hướng tới những đối tượng cụ thể.

3. Tổ chức sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật.

4. Tuyên truyền qua hệ thống thông tin cơ sở như loa phát thanh, đội truyền thông lưu động, báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở.

5. Tọa đàm, cung cấp thông tin, tuyên truyền, trao đổi, thảo luận, giải đáp và tham vấn các ý kiến thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, Nghị quyết số 152/NQ-CP.

6. Tuyên truyền cổ động trực quan: Xây dựng các biểu ngữ, khẩu hiệu, băng rôn, pano, áp phích đặt tại các điểm công cộng, nơi đông dân cư như khu trung tâm, siêu thị, cơ quan, trường học, trung tâm văn hóa - thể thao, chợ dân sinh...

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy

- Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân nội dung của Nghị quyết số 23-NQ/TW, Nghị quyết số 152/NQ-CP nhằm tạo sự thống nhất cao trong toàn Đảng bộ và sự đồng thuận trong Nhân dân. Thường xuyên theo dõi, định hướng công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, bảo đảm thông tin chính xác, có sức hấp dẫn. Tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết đại hội đảng các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết số 23-NQ/TW, Nghị quyết số 152/NQ-CP trong đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân bằng các hình thức phù hợp; thực hiện tốt công tác dân vận, quy chế dân chủ cơ sở, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 23-NQ/TW, các nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng đảng, xây dựng hệ thống chính trị của huyện.

- Chủ động nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, Nghị quyết số 152/NQ-CP kịp thời định hướng, chấn chỉnh những tư tưởng, dư luận xã hội trái chiều; qua đó tham mưu giúp cấp ủy xử lý và giải quyết những khó khăn, vướng mắc nảy sinh, góp phần hạn chế những khiếu kiện, khiếu nại.

3. Phòng văn hóa Thông tin

Chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tăng cường tin, bài, tuyên truyền đúng định hướng các nội dung Nghị quyết số 23-NQ/TW; theo dõi, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm trong việc đăng tải, phổ biến thông tin, quan điểm sai trái, xuyên tạc về Nghị quyết số 23-NQ/TW. Tăng cường đấu tranh, phản bác, tuân thủ sự chỉ đạo và sử dụng các nguồn tin chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền.

4. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 23-NQ/TW, Nghị quyết số 152/NQ-CP; lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá các sản phẩm hàng hóa các vùng miền với quảng bá văn hóa, du lịch; kết hợp tuyên truyền, triển khai chương trình liên kết vùng để xúc tiến quảng bá du lịch. tăng cường thời lượng tin, bài, thông tin tuyên truyền kịp thời, đúng định hướng việc triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 23-NQ/TW ở các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị.

- Hướng dẫn, khuyến khích đội ngũ văn nghệ sĩ chuyên và không chuyên sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật tuyên truyền về văn hoá, lịch sử truyền thống và con người vùng đất Tây Nguyên

(Gửi kèm Nghị quyết số 23-NQ/TW; Nghị quyết số 152/NQ-CP)

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện ủy,
- Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc,
- MTTQ và các đoàn thể huyện,
- Phòng Văn hóa Thông tin,
- Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Trần Phước Mênh

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ****về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng,
an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

I- TÌNH HÌNH

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX và Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị khoá XI về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên, những năm qua các cấp, các ngành, nhất là các địa phương trong vùng, đã nhận thức ngày càng rõ hơn về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của vùng, phát huy những tiềm năng, lợi thế để phát triển nhanh và bền vững, đạt được nhiều kết quả to lớn, rất quan trọng. Quy mô kinh tế của vùng tăng nhanh, năm 2020 gấp hơn 14 lần năm 2002 và 3,1 lần năm 2010. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2002 - 2020 đạt gần 8%/năm, tốc độ tăng trưởng của các khu vực kinh tế đều cao nhất so với các vùng. GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt trên 48 triệu đồng, gấp 10,6 lần năm 2002. Tây Nguyên trở thành vùng sản xuất một số sản phẩm nông sản chủ lực quy mô lớn, chiếm tỉ trọng cao, nhất là cây công nghiệp, cây ăn quả. Du lịch có bước phát triển khá, hình thành các chuỗi phát triển du lịch liên vùng, đang trở thành vùng du lịch sinh thái - văn hoá có sức hấp dẫn. Giá trị văn hoá các dân tộc được bảo tồn, kế thừa và phát huy, một số di tích văn hoá lịch sử được tu bổ, tôn tạo. Không gian văn hoá Công điền Tây Nguyên được UNESCO công nhận là kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại. Hệ thống giáo dục, đào tạo được quan tâm đầu tư, mạng lưới y tế được củng cố. Bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ nguồn nước được chú trọng. Tỉ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh vượt mục tiêu đề ra. Các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai thực hiện có hiệu quả, góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Chính sách dân tộc, tôn giáo được thực hiện tốt, khơi dậy và nâng cao ý thức đoàn kết, tính tự lực

trong việc phát triển sản xuất, giảm nghèo. Thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, thế trận lòng dân được củng cố và tăng cường, nhất là trên tuyến biên giới và các địa bàn xung yếu; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên được nâng lên; cơ bản xây dựng được tổ chức đảng ở các buôn, làng. Việc xây dựng chính quyền các cấp được đẩy mạnh; chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội được nâng cao; phát huy tốt vai trò của già làng, người có uy tín; khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố; niềm tin của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đối với Đảng, Nhà nước được củng cố, tăng cường.

Tuy nhiên, Tây Nguyên còn những hạn chế, yếu kém, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Tăng trưởng kinh tế thiếu bền vững, có xu hướng chậm lại; GRDP bình quân đầu người vẫn ở mức thấp nhất trong 6 vùng kinh tế - xã hội. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài rất thấp. Giảm nghèo chưa bền vững, số hộ nghèo, cận nghèo lớn, nguy cơ tái nghèo còn cao; khoảng cách giàu - nghèo giữa các nhóm dân tộc chậm được thu hẹp; tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới còn thấp. Tình trạng di dân tự do vào Tây Nguyên ngày càng phức tạp; đất sản xuất, đất ở của đồng bào dân tộc thiểu số chậm được giải quyết. Công tác xử lý đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường còn nhiều bất cập. Tỉ lệ che phủ rừng giảm mạnh và không đạt mục tiêu đề ra; rừng tự nhiên suy giảm về cả diện tích và chất lượng. Nguồn nước có nguy cơ cạn kiệt, tình trạng khô hạn diễn biến thất thường. Nhiều di sản văn hoá dân tộc đang đứng trước nguy cơ bị mai một, chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển. Ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp chưa được chú trọng. Chỉ số phát triển con người (HDI) thấp nhất cả nước. Giáo dục, đào tạo chuyển biến chậm; chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động thấp. Công tác chăm sóc sức khoẻ, dịch vụ y tế cơ bản còn thấp so với mức trung bình cả nước. Liên kết nội vùng và liên vùng chưa chặt chẽ, còn hình thức. Mạng lưới kết cấu hạ tầng vùng, liên vùng thiếu và yếu, nhất là hạ tầng chiến lược (giao thông, y tế, giáo dục, hạ tầng số) chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, vấn đề tôn giáo, dân tộc, tình hình khiếu kiện, tranh chấp đất đai vẫn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp; công tác đàm phán, phân giới cắm mốc biên giới chưa hoàn thành. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu.

Hạn chế và yếu kém trên chủ yếu là do: Một số cấp uỷ, chính quyền nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng; tư duy về liên kết

vùng chậm được đổi mới. Chất lượng các quy hoạch còn thấp, thiếu liên kết, đồng bộ. Nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng chưa được quan tâm đúng mức, nhất là hạ tầng giao thông liên vùng. Quản lý đất đai, di dân, bảo vệ rừng chưa hiệu quả. Các cơ chế, chính sách cho vùng chưa có trọng tâm, trọng điểm và chưa sát với thực tiễn. Thể chế liên kết vùng chưa đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả. Các địa phương chưa phát huy hết tiềm năng, cơ hội, lợi thế cạnh tranh của mình và của vùng. Thiếu cơ chế, chính sách đặc thù để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước, nhất là nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Phân cấp, phân quyền chưa thực sự gắn với năng lực và điều kiện thực tiễn của từng địa phương, thiếu phối hợp và kiểm tra, giám sát. Chưa phát huy, khai thác tốt giá trị văn hoá, lịch sử truyền thống và con người vùng đất Tây Nguyên thành nguồn lực phát triển. Năng lực cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước ở một số nơi còn hạn chế, công tác chỉ đạo, điều hành chưa hiệu quả. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành với các địa phương chưa thường xuyên, chặt chẽ và chưa được quan tâm đúng mức.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Vùng Tây Nguyên có vai trò, vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Phát triển Tây Nguyên nhanh, bền vững là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước và là nhiệm vụ xuyên suốt, trọng tâm, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển của các địa phương trong vùng và cả nước. Xây dựng và phát triển vùng Tây Nguyên phải kết hợp hài hoà giữa phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường gắn chặt với quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

- Phát triển vùng Tây Nguyên phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, bảo đảm thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia, phù hợp với chiến lược quốc gia về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm; chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, dựa trên ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số. Chú trọng bảo vệ, khôi phục, phát triển rừng, nâng cao đời sống, sinh kế của người dân gắn với rừng. Ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến nông sản; phát triển công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, alumin, nhôm;

phát triển các trung tâm du lịch lớn, hình thành các tuyến du lịch, sản phẩm du lịch gắn với bản sắc văn hoá các dân tộc Tây Nguyên.

- Phát triển vùng Tây Nguyên theo hướng đẩy mạnh liên kết vùng, nội vùng; lấy quy hoạch làm cơ sở quản lý phát triển vùng; liên kết chặt chẽ với vùng Đông Nam Bộ và các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ; đẩy nhanh kết nối với các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, với các nước trong khu vực Tiểu vùng sông Mê Công, nhất là trong khuôn khổ Hợp tác tiểu vùng Mê Công mở rộng, khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia và các nước ASEAN. Lấy phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng số làm động lực, tạo dư địa cho phát triển vùng. Nghiên cứu xây dựng cơ chế và tổ chức điều phối liên kết phát triển vùng hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phù hợp, gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền. Có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng.

- Xây dựng nền văn hoá Tây Nguyên tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng, tôn trọng các giá trị văn hoá khác biệt giữa các dân tộc, coi đây là động lực, nền tảng cho phát triển và hội nhập quốc tế của vùng. Ưu tiên bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hoá, giá trị truyền thống, bản sắc văn hoá của các dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới; giảm tỉ lệ hộ nghèo, ổn định dân cư, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; bảo đảm mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe, tiếp cận giáo dục, dịch vụ y tế cơ bản có chất lượng. Nâng cao trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển. Tập trung bảo vệ, phục hồi môi trường đi đôi với sử dụng hiệu quả, tiết kiệm đất đai, tài nguyên khoáng sản.

- Chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số. Tăng cường xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy cao độ giá trị văn hoá, truyền thống cách mạng, khơi dậy khát vọng phát triển, ý chí tự lực, tự cường; bảo đảm xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển bền vững vùng Tây Nguyên.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Tây Nguyên là vùng phát triển nhanh, bền vững dựa trên kinh tế xanh, tuần hoàn; giàu bản sắc văn hoá dân tộc, điểm đến đặc sắc, hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế. Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, dựa trên

nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hình thành một số sản phẩm nông nghiệp quy mô lớn có thương hiệu quốc tế gắn với các trung tâm chế biến. Cơ bản hình thành hạ tầng giao thông quan trọng, hạ tầng số. Hệ thống thiết chế văn hoá được nâng cấp. Giải quyết căn bản vấn đề đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện. Hệ sinh thái rừng, nhất là rừng đầu nguồn và đa dạng sinh học được bảo tồn và phát triển; an ninh nguồn nước được bảo đảm. Quốc phòng, an ninh khu vực biên giới được giữ vững; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, duy trì ổn định. Tổ chức đảng, hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết các dân tộc được củng cố, tăng cường.

3. Một số chỉ tiêu đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 7 - 7,5%. Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 130 triệu đồng, tương đương 5.000 USD; tỉ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 29,5% trong GRDP; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 26,9%; khu vực dịch vụ chiếm khoảng 38%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp khoảng 5,6%; tỉ trọng kinh tế số khoảng 25 - 30% GRDP. Tỉ lệ đô thị hoá đạt khoảng 37,2 - 40,7%; tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới khoảng 85%, trong đó tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao khoảng 50%.

- Giai đoạn 2021 - 2030, tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt khoảng 6,5%; đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP khoảng 39%. Đến năm 2030, tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25 - 30%. Tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì giảm 1,0 - 1,5%/năm. Tỉ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm. Tỉ lệ cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia với giáo dục mầm non khoảng 60%; tiểu học khoảng 65%, trung học cơ sở khoảng 75% và trung học phổ thông khoảng 60%. Đạt 32 giường bệnh viện, 11 bác sĩ trên 10.000 dân. Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 90%.

- Đến năm 2030, tỉ lệ che phủ rừng đạt trên 47%. Tỉ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư đô thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 98%. Tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%. Đạt 100% đối với các chỉ tiêu: Tỉ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, cơ sở y tế được thu gom xử lý; tỉ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường. Đạt 95% tỉ lệ rác thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý theo quy định.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

Tây Nguyên trở thành vùng phát triển bền vững, có nền kinh tế xanh, tuần hoàn; một số tỉnh trong vùng thuộc nhóm phát triển khá của cả nước. Hệ sinh thái rừng được bảo tồn và phát triển; hình thành một số khu du lịch chất lượng cao, điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước. Hình thành các vùng sản xuất lớn về cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa và trung tâm năng lượng tái tạo của cả nước. Hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ. Phát triển hài hoà giữa kinh tế với văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường và quốc phòng, an ninh; người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Bản sắc văn hoá được phát huy và trở thành nền tảng để phát triển. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế vùng nhanh và bền vững

- Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng, lấy phát triển nông, lâm nghiệp là trọng tâm, trụ đỡ; phát triển công nghiệp chế biến là động lực; phát triển du lịch là đột phá. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao.

- Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, hữu cơ, quy mô lớn gắn với vùng chuyên canh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung phát triển các cây ăn quả chủ lực (sầu riêng, bơ, chanh leo, chôm chôm, mít,...), cây công nghiệp (cà phê, cao su, điều, hồ tiêu, chè), cây dược liệu, rau, hoa, chăn nuôi gia súc bảo đảm môi trường và gắn với công nghiệp chế biến. Phát triển thủy sản nước lạnh (cá hồi, cá tầm) có giá trị kinh tế cao và nuôi lồng bè ở vùng lòng hồ các công trình thủy lợi, thủy điện trên lưu vực Sông Sêsan, Sông Srêpôk, Sông Ba và hệ thống sông Đồng Nai.

Phát triển kinh tế lâm nghiệp, nâng cao đời sống của người làm nghề rừng. Ổn định dân cư và tạo việc làm tại chỗ cho người dân gắn bó với quê hương. Chú trọng phục hồi, bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ nghiêm ngặt các diện tích rừng tự nhiên hiện có, đặc biệt là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; tiến hành khoanh nuôi tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp với trồng bổ

sung làm giàu rừng; cải tạo trồng rừng thay thế đối với các diện tích rừng nghèo kiệt, kém chất lượng. Có chính sách phù hợp phát triển kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng. Tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ bán tín chỉ cacbon; thí điểm cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu và các loại lâm sản ngoài gỗ, tạo việc làm cho người dân, tăng nguồn thu nhằm tái đầu tư bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Huy động nguồn lực ngoài nhà nước cho phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học. Phát triển rừng trồng, rừng sản xuất ở những nơi có điều kiện phù hợp nhằm phát triển kinh tế lâm nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất và chế biến lâm sản. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp cho các lực lượng, hộ gia đình, người dân, cộng đồng trong quản lý, bảo vệ rừng; chính sách tái định canh, định cư, tạo việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số sống trong rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

- Ưu tiên phát triển bền vững công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, alumin, công nghiệp chế biến nhôm và các sản phẩm từ nhôm; phát triển ngành cơ khí phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Duy trì phát triển ổn định, bền vững thủy điện; tăng cường thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ phát triển và lưu trữ năng lượng tái tạo; nghiên cứu khả năng cung cấp điện tại chỗ để phát triển ngành luyện kim nhôm.

- Phát triển các ngành dịch vụ, du lịch, logistics của vùng dựa trên nền tảng số theo hướng nâng cao chất lượng và đa dạng hoá các loại hình dịch vụ với trọng tâm là du lịch sinh thái, du lịch văn hoá, gắn với phát triển nông nghiệp, hệ thống logistics thông minh và kinh tế cửa khẩu, nhất là các cửa khẩu quốc tế. Hình thành và phát triển các hình thức tổ chức thị trường hiện đại như sàn giao dịch hàng hoá cho các sản phẩm chủ lực của vùng; đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử. Tập trung xây dựng một số thương hiệu sản phẩm quốc gia như cà phê, cao su, sầu riêng, bơ, hồ tiêu,...

- Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới công nghệ; chủ động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học, giống cây trồng vật nuôi, các mô hình nông nghiệp hiệu quả cao, sản xuất sạch và an toàn vào sản xuất. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số; xây dựng dữ liệu vùng phục vụ cho hoạt động chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và liên kết vùng.

- Tiếp tục giải quyết có hiệu quả đất ở, đất sản xuất cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số; xử lý dứt điểm các vụ khiếu kiện, tranh chấp đất đai

đang tồn đọng, nhất là tranh chấp đất giữa người dân với các nông, lâm trường, các đơn vị thuộc doanh nghiệp nhà nước; chủ động phát hiện, xử lý sớm các nguy cơ dẫn đến tranh chấp, khiếu kiện đông người.

- Tăng cường quản lý và bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên nước; tăng khả năng trữ và lưu giữ nước của các công trình hồ chứa, bảo đảm an ninh nguồn nước cho vùng và cho một số địa phương khu vực duyên hải Trung Bộ; cơ cấu lại cây trồng cho phù hợp, nhất là đối với vùng thiếu nước; triển khai các giải pháp, công nghệ tưới tiết kiệm. Tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý, chia sẻ lợi ích từ tài nguyên nước.

- Tiểu vùng Bắc Tây Nguyên (tỉnh Gia Lai và Kon Tum) duy trì công nghiệp thủy điện, phát triển năng lượng tái tạo, cây dược liệu; hình thành các khu du lịch sinh thái, các khu du lịch gắn với vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên. Không gian phát triển kinh tế của tiểu vùng gắn với các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ theo hành lang giao thông quốc lộ 14, 19, 24 và hành lang biên giới Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia. Tiểu vùng Trung Tây Nguyên (tỉnh Đắk Lắk) tập trung phát triển năng lượng tái tạo; công nghiệp chế biến nông, lâm sản, đặc biệt là sản xuất, chế biến, xuất khẩu cà phê; phát triển các trung tâm dịch vụ thương mại, trung chuyển hàng hoá. Không gian phát triển kinh tế của tiểu vùng gắn với các tỉnh Khánh Hoà, Phú Yên theo hành lang quốc lộ 26, 29 và cao tốc Buôn Ma Thuột - Khánh Hoà. Tiểu vùng Nam Tây Nguyên (tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông) tập trung phát triển ngành dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao; nông nghiệp công nghệ cao; công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, nhôm, công nghiệp chế biến nhôm. Không gian phát triển kinh tế của tiểu vùng gắn với vùng Đông Nam Bộ theo hành lang quốc lộ 20 và các tuyến cao tốc Dầu Giây - Liên Khương, Chơn Thành - Gia Nghĩa.

- Phát triển đô thị và bố trí dân cư phù hợp với các điều kiện đặc trưng về sinh thái, bản sắc văn hoá Tây Nguyên; có không gian xanh, cảnh quan đặc trưng, kết cấu hạ tầng hiện đại, thông minh và thân thiện với môi trường. Tổ chức mạng lưới đô thị dựa trên ba trung tâm đô thị động lực: Thành phố Buôn Ma Thuột là đô thị trung tâm vùng; thành phố Đà Lạt là trung tâm tiểu vùng Nam Tây Nguyên; thành phố Pleiku là trung tâm tiểu vùng Bắc Tây Nguyên. Thúc đẩy liên kết đô thị, chú trọng hình thành các đô thị vệ tinh hỗ trợ các chức năng phát triển với đô thị trung tâm. Từng bước hình thành một số đô thị biên

giới với chức năng thương mại, dịch vụ gắn với lợi thế về cửa khẩu, kết nối giao thông quốc tế. Ưu tiên bố trí nguồn lực để ổn định các điểm dân cư đồng bào dân tộc thiểu số, phù hợp với tập quán sinh hoạt, sản xuất của đồng bào dân tộc.

2. Phát triển văn hoá - xã hội và nguồn nhân lực; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân

- Nâng cao trình độ dân trí, đời sống vật chất và tinh thần của người dân; hình thành nếp sống văn minh, gia đình văn hoá trong đồng bào các dân tộc. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống tốt đẹp, các di tích lịch sử, văn hoá tiêu biểu các dân tộc Tây Nguyên; duy trì và xây dựng không gian công cộng trong buôn, làng dành cho hoạt động văn hoá cộng đồng gắn với nhà Rông, nhà dài, lễ hội Cồng chiêng; chú trọng bảo tồn và phát huy các di sản thế giới, di tích xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, các di sản văn hoá tiêu biểu đặc trưng của vùng và di sản văn hoá đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cấp vùng. Cải tạo, nâng cấp, xây dựng và duy trì tốt hoạt động của các trung tâm văn hoá, sinh hoạt cộng đồng từ cấp tỉnh tới buôn, làng; huy động nguồn lực xã hội hoá để đẩy nhanh tốc độ hiện đại hoá, mở rộng mạng lưới các trung tâm văn hoá ở thành phố, khu đô thị, khu du lịch trọng điểm.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nhất là nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, coi đây là một trong những khâu đột phá cho sự phát triển nhanh và bền vững của vùng. Xây dựng các trung tâm đào tạo chất lượng cao tại thành phố Buôn Ma Thuột, thành phố Đà Lạt; mở rộng quy mô các trường đại học, cao đẳng, trong đó ưu tiên phát triển Trường Đại học Tây Nguyên. Phát triển thị trường lao động, kết nối thông tin thị trường lao động trong vùng với các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ. Tăng cường liên kết, hợp tác để đào tạo nhân lực trình độ cao, các ngành nghề đáp ứng cho yêu cầu phát triển vùng. Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, nhất là cho đồng bào dân tộc Tây Nguyên. Có chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số học nội trú, bán trú. Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số. Tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội và thực hiện tốt công tác giảm nghèo.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân. Tăng cường đào tạo, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ

trong khám, chữa bệnh. Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh; ứng phó kịp thời các tình huống khẩn cấp về y tế, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa. Xây dựng một bệnh viện đa khoa trung ương, trung tâm kiểm soát bệnh tật cấp vùng; củng cố hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng của vùng.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, tổ chức thực hiện di dời dân cư, bảo đảm sinh kế bền vững và an toàn cho người dân tại vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu. Quan tâm giải quyết nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường, thông tin và dịch vụ xã hội khác cho người nghèo, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

3. Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, du lịch đặc sắc

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi toàn vùng tới các cảng biển, cảng hàng không nội địa và quốc tế. Đến năm 2030, phấn đấu hoàn thành một số hạ tầng giao thông quan trọng: Tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột, Gia Nghĩa - Chơn Thành, Tân Phú - Bảo Lộc, Bảo Lộc - Liên Khương; mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Liên Khương lên cấp 4E và Cảng hàng không Pleiku lên cấp 4C; mở rộng Cảng hàng không Buôn Ma Thuột; khôi phục, cải tạo tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt phục vụ khách du lịch. Nghiên cứu đầu tư tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây (Ngọc Hồi - Pleiku, Pleiku - Buôn Ma Thuột, Buôn Ma Thuột - Gia Nghĩa), tuyến đường sắt kết nối Tây Nguyên (Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước).

- Phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm gắn với sinh thái và bảo vệ môi trường, hình thành các khu du lịch tầm cỡ quốc gia và khu vực, tạo thương hiệu cho du lịch vùng. Tập trung thu hút đầu tư phát triển các khu, tuyến du lịch đặc thù và sản phẩm du lịch đặc sắc gắn với bản sắc văn hoá của vùng. Xây dựng các trung tâm dịch vụ du lịch lớn: Thành phố Đà Lạt gắn với hồ Tuyền Lâm, hồ Đan Kia - Suối Vàng; Đắk Lắk, Đắk Nông gắn với vườn quốc gia Yokdon và không gian văn hoá Công chiêng Tây Nguyên; Gia Lai - Kon Tum gắn với cửa khẩu quốc tế Bờ Y, khu du lịch Măng Đen, điểm du lịch hồ Yaly, công viên địa chất toàn cầu Đắk Nông. Phát triển du lịch sinh thái gắn với cộng đồng, các buôn làng dân tộc, vườn quốc gia, các khu bảo tồn. Phát triển thị trường du lịch liên vùng gắn với các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ; du lịch nội vùng gắn với các sản phẩm có thể mạnh: Du lịch tham quan, nghiên cứu văn hoá, địa chất, nghỉ dưỡng núi, thám hiểm rừng, sinh

thái nông nghiệp, nông thôn, thể thao mạo hiểm. Xây dựng trung tâm chăm sóc sức khoẻ cấp quốc tế, từng bước hình thành sản phẩm du lịch chăm sóc sức khoẻ, du lịch chữa bệnh tại thành phố Đà Lạt.

4. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách liên kết vùng

- Thống nhất cao ở tất cả các cấp, các ngành về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của vùng và liên kết vùng, liên vùng để tạo không gian kinh tế thống nhất, khắc phục các điểm nghẽn, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao khả năng cạnh tranh vùng. Nghiên cứu xây dựng và thể chế hoá cơ chế điều phối và kết nối phát triển vùng nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động liên kết nội vùng và với vùng Đông Nam Bộ và các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ. Đẩy mạnh hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng, khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia; tham gia tích cực các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ ASEAN và ASEAN với các đối tác, các nước trong khu vực và các định chế quốc tế khác. Hoàn thiện thể chế, tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ, tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện các thoả thuận hợp tác trong khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch vùng Tây Nguyên và quy hoạch từng địa phương trong vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững theo hướng xanh, tuần hoàn, giàu bản sắc dựa trên yếu tố đặc trưng là con người, văn hoá, thiên nhiên và truyền thống lịch sử gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh của vùng. Tổ chức không gian hợp lý cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, du lịch đặc sắc; phục hồi, bảo vệ, phát triển rừng, phát triển nông nghiệp hiệu quả cao và bảo vệ nguồn nước.

- Có cơ chế, chính sách phù hợp về bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng; phát triển một số sản phẩm nông nghiệp quy mô lớn; huy động, phân bổ, lồng ghép các nguồn lực đầu tư những chương trình, dự án, công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu, quan trọng, trọng điểm làm nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững. Nghiên cứu chính sách tài chính, thuế đối với các dự án thủy điện có quy mô lớn và hoạt động xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu phù hợp, bảo đảm hài hoà giữa nguồn thu ngân sách nhà nước với ổn định, phát triển của địa phương. Ưu tiên sử dụng các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi để phát triển hạ tầng kinh tế, xã hội vùng. Khuyến khích thu hút đầu tư trực tiếp

nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, năng lượng tái tạo và dịch vụ du lịch, phù hợp với quy hoạch vùng, địa phương. Xây dựng tiêu chí xác định đô thị phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng theo hướng đô thị xanh, bền vững.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi phục vụ doanh nghiệp và người dân. Khai thác hiệu quả quỹ đất hình thành từ hoạt động đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông để tái đầu tư phát triển. Phân cấp, phân quyền cho các địa phương đầu tư kết cấu hạ tầng do Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các công trình giao thông để phát huy tính chủ động của các địa phương, huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

5. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh công tác đối ngoại; kiên quyết bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; làm sâu sắc hơn các quan hệ đối ngoại, hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng, khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Phát huy hiệu quả các khu kinh tế - quốc phòng, góp phần tăng cường thế trận quốc phòng - an ninh và thế trận lòng dân vững chắc ở địa bàn biên giới, địa bàn có nhiều đồng bào dân tộc. Đầu tư xây dựng một số công trình lưỡng dụng phục vụ phát triển kinh tế, đời sống của nhân dân và nhiệm vụ quốc phòng. Tiếp tục xây dựng đường tuần tra biên giới kết hợp làm đường dân sinh. Phối hợp với Cam-pu-chia phấn đấu hoàn thành khung pháp lý song phương về quản lý biên giới, quản lý cửa khẩu biên giới và phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền. Hợp tác chặt chẽ về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và chủ động triển khai các hoạt động giao lưu nhân dân với các nước bạn.

- Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc bảo đảm đồng bộ, toàn diện; tập trung có trọng điểm các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, các vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào các tôn giáo. Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu 5 và vùng Tây Nguyên vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; đầu tư nâng cao

năng lực của lực lượng bảo đảm an ninh, trật tự cấp cơ sở. Đẩy mạnh và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục bảo đảm phù hợp với từng đối tượng, với đặc thù văn hoá, xã hội vùng Tây Nguyên. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo thế chủ động trong phòng ngừa và đấu tranh, kiên quyết làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Nắm chắc và làm chủ tình hình, ngăn chặn, triệt phá kịp thời hoạt động gây rối, biểu tình, tấn công không gian mạng để giữ vững quốc phòng, an ninh toàn vùng và cả nước.

6. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các nghị quyết, kết luận, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh tạo chuyển biến thực sự trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Thực hiện hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của các cấp chính quyền; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên có bản lĩnh chính trị, tiên phong, gương mẫu về đạo đức và lối sống.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo; bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu hợp lý, có sự chuyển giao, kế thừa chặt chẽ giữa các thế hệ. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện lớp cán bộ kế cận, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân và vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng; đẩy mạnh hoạt động của các mô hình tự quản tại cộng đồng ở các cơ sở, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Đặc biệt quan tâm xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị; phát huy cao độ truyền thống văn hoá cách mạng, sự cần cù và ý chí tự lực, tự cường của nhân dân trong vùng. Xác định buôn làng là một bộ phận rất quan trọng và là địa bàn chủ yếu ở cấp cơ sở ở Tây Nguyên.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân, nhất là các địa phương vùng Tây Nguyên nghiên cứu, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội, sự tham gia tích cực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo: Ban hành Chương trình hành động triển khai Nghị quyết; xây dựng Quy hoạch phát triển vùng, địa phương; hoàn thiện thể chế, cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng, tiểu vùng; điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách, đặc thù về phát triển vùng Tây Nguyên.

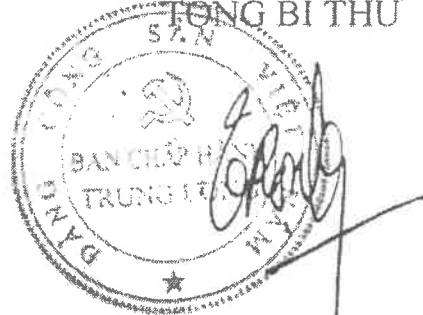
3. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương theo trách nhiệm của mình thường xuyên quan tâm, phối hợp với các địa phương vùng Tây Nguyên để thực hiện Nghị quyết.

4. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nơi nhân:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương.
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
HỒNG BÍ THU



Nguyễn Phú Trọng

THO (y)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

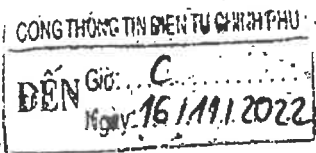
Số: 152/NQ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2022



NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045



CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các văn bản số 7988/TTr-BKHĐT ngày 04 tháng 11 năm 2022 và văn bản số 8161/TTr-BKHĐT ngày 13 tháng 11 năm 2022;

Trên cơ sở kết quả Phiếu lấy ý kiến của các thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương, các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban giám sát tài chính quốc gia;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH.

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Bình Minh



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ

Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của
Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc
phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
(Kèm theo Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022
của Chính phủ)

Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về
phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng
Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Nghị quyết
số 23-NQ/TW) đã đề ra các mục tiêu:

Đến năm 2030, Tây Nguyên là vùng phát triển nhanh, bền vững dựa trên
kinh tế xanh, tuần hoàn; giàu bản sắc văn hoá dân tộc, điểm đến đặc sắc, hấp dẫn
khách du lịch trong nước và quốc tế. Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao,
dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hình
thành một số sản phẩm nông nghiệp quy mô lớn có thương hiệu quốc tế gắn với
các trung tâm chế biến. Cơ bản hình thành hạ tầng giao thông quan trọng, hạ tầng
số. Hệ thống thiết chế văn hoá được nâng cấp. Giải quyết căn bản vấn đề đất ở,
đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số. Đời sống vật chất và tinh thần của
người dân được cải thiện. Hệ sinh thái rừng, nhất là rừng đầu nguồn và đa dạng
sinh học được bảo tồn và phát triển; an ninh nguồn nước được bảo đảm. Quốc
phòng, an ninh khu vực biên giới được giữ vững; an ninh chính trị, trật tự, an toàn
xã hội được bảo đảm, duy trì ổn định. Tổ chức đảng, hệ thống chính trị và khối
đại đoàn kết các dân tộc được củng cố, tăng cường.

Tầm nhìn đến năm 2045, Tây Nguyên trở thành vùng phát triển bền vững,
có nền kinh tế xanh, tuần hoàn; một số tỉnh trong vùng thuộc nhóm phát triển khá
của cả nước. Hệ sinh thái rừng được bảo tồn và phát triển; hình thành một số khu
du lịch chất lượng cao, điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước. Hình
thành các vùng sản xuất lớn về cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa và trung tâm
năng lượng tái tạo của cả nước. Hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ. Phát
triển hài hoà giữa kinh tế với văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường và quốc phòng,
an ninh; người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Bản sắc văn hoá được phát
huy và trở thành nền tảng để phát triển. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã
hội được bảo đảm vững chắc; biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát
triển; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; khối
đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chính phủ ban hành Chương trình hành động với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc ban hành Nghị quyết về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị phải được xây dựng trên cơ sở bám sát quan điểm, mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 23-NQ/TW nhằm xây dựng và phát triển Tây Nguyên là vùng phát triển nhanh, bền vững dựa trên kinh tế xanh, tuần hoàn; giàu bản sắc văn hoá dân tộc, điểm đến đặc sắc, hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế.

2. Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 23-NQ/TW bằng những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực của Chính phủ gắn với kế hoạch tổ chức thực hiện theo lộ trình cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết. Chương trình hành động của Chính phủ là căn cứ để các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch hành động của từng bộ, cơ quan và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu cao nhất đạt được các mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết số 23-NQ/TW.

3. Chương trình hành động nhằm thể hiện được định hướng chỉ đạo của Chính phủ theo tinh thần đồng hành cùng các tỉnh vùng Tây Nguyên; đồng thời xác định rõ vai trò, nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ và khu vực duyên hải Trung Bộ tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách có tính đột phá; hoàn thiện thể chế, cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng, tiểu vùng; điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách, đặc thù về phát triển vùng Tây Nguyên; huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện các dự án quan trọng đảm bảo xây dựng và phát triển vùng Tây Nguyên hài hoà giữa phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường gắn chặt với quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

4. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 7 - 7,5%. Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 130 triệu đồng, tương đương 5.000 USD; tỉ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 29,5% trong GRDP; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 26,9%; khu vực dịch vụ chiếm khoảng 38%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp khoảng

5,6%; tỉ trọng kinh tế số khoảng 25 - 30% GRDP. Tỉ lệ đô thị hoá đạt khoảng 37,2 - 40,7%; tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới khoảng 85%, trong đó tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao khoảng 50%.

- Giai đoạn 2021 - 2030, tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt khoảng 6,5%; đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP khoảng 39%. Đến năm 2030, tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25 - 30%. Tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì giảm 1,0 - 1,5%/năm. Tỉ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm. Tỉ lệ cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia với giáo dục mầm non khoảng 60%; tiểu học khoảng 65%, trung học cơ sở khoảng 75% và trung học phổ thông khoảng 60%. Đạt 32 giường bệnh viện, 11 bác sĩ trên 10.000 dân. Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 90%.

- Đến năm 2030, tỉ lệ che phủ rừng đạt trên 47%. Tỉ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư đô thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 98%. Tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%. Đạt 100% đối với các chỉ tiêu: Tỉ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, cơ sở y tế được thu gom xử lý; tỉ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường. Đạt 95% tỉ lệ rác thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý theo quy định.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể nêu trên, Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng tập trung chỉ đạo thực hiện các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW

- Khẩn trương triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và xây dựng Chương trình, Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết để tạo sự thống nhất trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng Tây Nguyên.

- Đẩy mạnh quyết tâm của các cấp, các ngành về nhiệm vụ xây dựng và phát triển vùng, nhất là về liên kết vùng, cơ chế chính sách đặc thù, phân bổ nguồn lực, nguồn nhân lực, quan hệ đối ngoại nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của Vùng, giải quyết các vấn đề trọng điểm tại Vùng, các vấn đề liên ngành, liên vùng.

2. Phát triển kinh tế vùng nhanh và bền vững

- Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng, lấy phát triển nông, lâm nghiệp là trọng tâm, trụ đỡ; phát triển công nghiệp chế biến là động lực; phát triển

du lịch là đột phá. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao.

- Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, hữu cơ, quy mô lớn gắn với vùng chuyên canh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung phát triển các cây ăn quả chủ lực (sầu riêng, bơ, chanh leo, chôm chôm, mít,...), cây công nghiệp (cà phê, cao su, điều, hồ tiêu, chè), cây dược liệu, rau, hoa, chăn nuôi gia súc bảo đảm môi trường và gắn với công nghiệp chế biến. Phát triển thủy sản nước lạnh (cá hồi, cá tầm) có giá trị kinh tế cao và nuôi lồng bè ở vùng lòng hồ các công trình thủy lợi, thủy điện trên lưu vực Sông Sêsan, Sông Srêpôk, Sông Ba và hệ thống sông Đồng Nai.

Phát triển kinh tế lâm nghiệp, nâng cao đời sống của người làm nghề rừng. Ổn định dân cư và tạo việc làm tại chỗ cho người dân gắn bó với quê hương. Chú trọng phục hồi, bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ nghiêm ngặt các diện tích rừng tự nhiên hiện có, đặc biệt là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; tiến hành khoanh nuôi tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp với trồng bổ sung làm giàu rừng; cải tạo rừng thay thế đối với các diện tích rừng nghèo kiệt, kém chất lượng. Có chính sách phù hợp phát triển kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng. Tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ bán tín chỉ cacbon; thí điểm cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu và các loại lâm sản ngoài gỗ, tạo việc làm cho người dân, tăng nguồn thu nhằm tái đầu tư bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Huy động nguồn lực ngoài nhà nước cho phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học. Phát triển rừng trồng, rừng sản xuất ở những nơi có điều kiện phù hợp nhằm phát triển kinh tế lâm nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất và chế biến lâm sản. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp cho các lực lượng, hộ gia đình, người dân, cộng đồng trong quản lý, bảo vệ rừng; chính sách tái định canh, định cư, tạo việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số sống trong rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

- Ưu tiên phát triển bền vững công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, alumin, công nghiệp chế biến nhôm và các sản phẩm từ nhôm; phát triển ngành cơ khí phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Duy trì phát triển ổn định, bền vững thủy điện trên cơ sở đảm bảo môi trường và sinh kế của người dân; tăng cường thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ phát triển và lưu trữ năng lượng tái tạo; nghiên cứu khả năng cung cấp điện tại chỗ để phát triển ngành luyện kim nhôm.

- Phát triển các ngành dịch vụ, du lịch, logistics của vùng dựa trên nền tảng số theo hướng nâng cao chất lượng và đa dạng hoá các loại hình dịch vụ với trọng tâm là du lịch sinh thái, du lịch văn hoá, gắn với phát triển nông nghiệp, hệ thống

logistics thông minh và kinh tế cửa khẩu, nhất là các cửa khẩu quốc tế. Hình thành và phát triển các hình thức tổ chức thị trường hiện đại như sàn giao dịch hàng hoá cho các sản phẩm chủ lực của vùng; đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử. Tập trung xây dựng một số thương hiệu sản phẩm quốc gia như cà phê, cao su, sầu riêng, bơ, hồ tiêu,...

- Tăng cường tiềm lực cho phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh cho từng địa phương và vùng trong đó chú trọng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp hiệu quả cao, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, du lịch, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và khai thác trực tiếp lợi thế của các địa phương trong vùng; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu vùng phục vụ cho hoạt động chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và liên kết vùng.

- Tiếp tục giải quyết có hiệu quả đất ở, đất sản xuất cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số; xử lý dứt điểm các vụ khiếu kiện, tranh chấp đất đai đang tồn đọng, nhất là tranh chấp đất giữa người dân với các nông, lâm trường, các đơn vị thuộc doanh nghiệp nhà nước; chủ động phát hiện, xử lý sớm các nguy cơ dẫn đến tranh chấp, khiếu kiện đông người.

- Tăng cường quản lý và bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên nước; tăng khả năng trữ và lưu giữ nước của các công trình hồ chứa, bảo đảm an ninh nguồn nước cho vùng và cho một số địa phương khu vực duyên hải Trung Bộ; cơ cấu lại cây trồng cho phù hợp, nhất là đối với vùng thiếu nước; triển khai các giải pháp, công nghệ tưới tiết kiệm. Tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý, chia sẻ lợi ích từ tài nguyên nước.

- Tiểu vùng Bắc Tây Nguyên (tỉnh Gia Lai và Kon Tum) duy trì công nghiệp thủy điện, phát triển năng lượng tái tạo, cây dược liệu; hình thành các khu du lịch sinh thái, các khu du lịch gắn với vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên. Không gian phát triển kinh tế của tiểu vùng gắn với các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ theo hành lang giao thông quốc lộ 14, 19, 24 và hành lang biên giới Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia. Tiểu vùng Trung Tây Nguyên (tỉnh Đắk Lắk) tập trung phát triển năng lượng tái tạo; công nghiệp chế biến nông, lâm sản, đặc biệt là sản xuất, chế biến, xuất khẩu cà phê; phát triển các trung tâm dịch vụ thương mại, trung chuyên hàng hoá. Không gian phát triển kinh tế của tiểu vùng gắn với các tỉnh Khánh Hoà, Phú Yên theo hành lang quốc lộ 26, 29 và cao tốc Buôn Ma

Thuột - Khánh Hoà. Tiểu vùng Nam Tây Nguyên (tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông) tập trung phát triển ngành dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao; nông nghiệp công nghệ cao; công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, nhôm, công nghiệp chế biến nhôm. Không gian phát triển kinh tế của tiểu vùng gắn với vùng Đông Nam Bộ theo hành lang quốc lộ 20 và các tuyến cao tốc Dầu Giây - Liên Khương, Chơn Thành - Gia Nghĩa.

- Phát triển đô thị và bố trí dân cư phù hợp với các điều kiện đặc trưng về sinh thái, bản sắc văn hoá Tây Nguyên; có không gian xanh, cảnh quan đặc trưng, kết cấu hạ tầng hiện đại, thông minh và thân thiện với môi trường. Tổ chức mạng lưới đô thị dựa trên ba trung tâm đô thị động lực: Thành phố Buôn Ma Thuột là đô thị trung tâm vùng; thành phố Đà Lạt là trung tâm tiểu vùng Nam Tây Nguyên; thành phố Pleiku là trung tâm tiểu vùng Bắc Tây Nguyên. Thúc đẩy liên kết đô thị, chú trọng hình thành các đô thị vệ tinh hỗ trợ các chức năng phát triển với đô thị trung tâm. Từng bước hình thành một số đô thị biên giới với chức năng thương mại, dịch vụ gắn với lợi thế về cửa khẩu, kết nối giao thông quốc tế. Ưu tiên bố trí nguồn lực để ổn định các điểm dân cư đồng bào dân tộc thiểu số, phù hợp với tập quán sinh hoạt, sản xuất của đồng bào dân tộc.

3. Phát triển văn hoá - xã hội và nguồn nhân lực; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân

- Nâng cao trình độ dân trí, đời sống vật chất và tinh thần của người dân; hình thành nếp sống văn minh, gia đình văn hoá trong đồng bào các dân tộc. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống tốt đẹp, các di tích lịch sử, văn hoá tiêu biểu các dân tộc Tây Nguyên; duy trì và xây dựng không gian công cộng trong buôn, làng dành cho hoạt động văn hoá cộng đồng gắn với nhà Rông, nhà dài, lễ hội Cồng chiêng; chú trọng bảo tồn và phát huy các di sản thế giới, di tích xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, các di sản văn hoá tiêu biểu đặc trưng của vùng và di sản văn hoá đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cấp vùng. Cải tạo, nâng cấp, xây dựng và duy trì tốt hoạt động của các trung tâm văn hoá, sinh hoạt cộng đồng từ cấp tỉnh tới buôn, làng; huy động nguồn lực xã hội hoá để đẩy nhanh tốc độ hiện đại hoá, mở rộng mạng lưới các trung tâm văn hoá ở thành phố, khu đô thị, khu du lịch trọng điểm.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nhất là nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, coi đây là một trong những khâu đột phá cho sự phát triển nhanh và bền vững của vùng. Xây dựng các trung tâm đào tạo chất lượng cao tại thành phố Buôn Ma Thuột, thành phố Đà Lạt; mở rộng quy mô các trường đại học, cao đẳng, trong đó ưu tiên phát triển Trường Đại học Tây Nguyên. Phát triển thị trường lao động, kết nối thông

tin thị trường lao động trong vùng với các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ. Tăng cường liên kết, hợp tác để đào tạo nhân lực trình độ cao, các ngành nghề đáp ứng cho yêu cầu phát triển vùng. Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, nhất là cho đồng bào dân tộc Tây Nguyên. Có chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số học nội trú, bán trú. Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số. Tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội và thực hiện tốt công tác giảm nghèo.

- Tăng cường chất lượng dịch vụ y tế; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân. Tăng cường đào tạo, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong khám, chữa bệnh. Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh; ứng phó kịp thời các tình huống khẩn cấp về y tế, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm hoạ. Xây dựng một bệnh viện đa khoa trung ương, trung tâm kiểm soát bệnh tật khu vực; củng cố hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng của vùng.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, tổ chức thực hiện di dời dân cư, bảo đảm sinh kế bền vững và an toàn cho người dân tại vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu. Quan tâm giải quyết nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường, thông tin và dịch vụ xã hội khác cho người nghèo, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, du lịch đặc sắc

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi toàn vùng tới các cảng biển, cảng hàng không nội địa và quốc tế. Đến năm 2030, phân đầu hoàn thành một số hạ tầng giao thông quan trọng: Tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột, Gia Nghĩa - Chơn Thành, Tân Phú - Bảo Lộc, Bảo Lộc - Liên Khương; mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Liên Khương lên cấp 4E và Cảng hàng không Pleiku lên cấp 4C; mở rộng Cảng hàng không Buôn Ma Thuột; khôi phục, cải tạo tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt phục vụ khách du lịch. Nghiên cứu đầu tư tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây (Ngọc Hồi - Pleiku, Pleiku - Buôn Ma Thuột, Buôn Ma Thuột - Gia Nghĩa), tuyến đường sắt kết nối Tây Nguyên (Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước).

- Phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm gắn với sinh thái và bảo vệ môi trường, hình thành các khu du lịch tâm cổ quốc gia và khu vực, tạo thương hiệu cho du lịch vùng. Tập trung thu hút đầu tư phát triển các khu, tuyến du lịch đặc thù và sản phẩm du lịch đặc sắc gắn với bản sắc văn hoá của vùng. Xây dựng các trung tâm dịch vụ du lịch lớn: Thành phố Đà Lạt gắn với hồ Tuyền Lâm, hồ Đan Kia - Suối Vàng; Đắk Lắk, Đắk Nông gắn với vườn quốc gia Yokđôn và không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên; Gia Lai - Kon Tum gắn với cửa khẩu

quốc tế Bờ Y, khu du lịch Măng Đen, điểm du lịch hồ Yaly; công viên địa chất toàn cầu Đắk Nông. Phát triển du lịch sinh thái gắn với cộng đồng, các buôn làng dân tộc, vườn quốc gia, các khu bảo tồn. Phát triển thị trường du lịch liên vùng gắn với các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ; du lịch nội vùng gắn với các sản phẩm có thể mạnh: Du lịch tham quan, nghiên cứu văn hoá, địa chất, nghỉ dưỡng núi, thám hiểm rừng, sinh thái nông nghiệp, nông thôn, thể thao mạo hiểm. Xây dựng trung tâm chăm sóc sức khoẻ cấp quốc tế, từng bước hình thành sản phẩm du lịch chăm sóc sức khoẻ, du lịch chữa bệnh tại thành phố Đà Lạt.

5. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách liên kết vùng

- Thống nhất cao ở tất cả các cấp, các ngành về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của vùng và liên kết vùng, liên vùng để tạo không gian kinh tế thống nhất, khắc phục các điểm nghẽn, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao khả năng cạnh tranh vùng. Nghiên cứu xây dựng và thể chế hoá cơ chế điều phối và kết nối phát triển vùng nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động liên kết nội vùng và với vùng Đông Nam Bộ và các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ. Hoàn thiện thể chế, tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ, tạo thuận lợi triển khai kế hoạch thực hiện các thoả thuận hợp tác trong khu vực, tiểu vùng Mê Công, nhất là đẩy mạnh hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng, hợp tác khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia; tham gia tích cực các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ ASEAN và ASEAN với các đối tác, các nước trong khu vực và các định chế quốc tế khác.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch vùng Tây Nguyên và quy hoạch từng địa phương trong vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững theo hướng xanh, tuần hoàn, giàu bản sắc dựa trên yếu tố đặc trưng là con người, văn hoá, thiên nhiên và truyền thống lịch sử gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh của vùng. Tổ chức không gian hợp lý cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, du lịch đặc sắc; phục hồi, bảo vệ, phát triển rừng, phát triển nông nghiệp hiệu quả cao và bảo vệ nguồn nước.

- Có cơ chế, chính sách phù hợp về bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng; phát triển một số sản phẩm nông nghiệp quy mô lớn; huy động, phân bổ, lồng ghép các nguồn lực đầu tư những chương trình, dự án, công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu, quan trọng, trọng điểm làm nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững. Nghiên cứu chính sách tài chính, thuế đối với các dự án thủy điện có quy mô lớn và hoạt động xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu phù hợp, bảo đảm hài hoà giữa nguồn thu ngân sách nhà nước với ổn định, phát triển của địa phương. Ưu tiên sử dụng các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi để phát triển

hạ tầng kinh tế, xã hội vùng. Khuyến khích thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, năng lượng tái tạo và dịch vụ du lịch, phù hợp với quy hoạch vùng, địa phương. Xây dựng tiêu chí xác định đô thị phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng theo hướng đô thị xanh, bền vững.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi phục vụ doanh nghiệp và người dân. Khai thác hiệu quả quỹ đất hình thành từ hoạt động đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông để tái đầu tư phát triển. Phân cấp, phân quyền cho các địa phương đầu tư kết cấu hạ tầng do Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các công trình giao thông để phát huy tính chủ động của các địa phương, huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

6. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh công tác đối ngoại; kiên quyết bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; làm sâu sắc hơn các quan hệ đối ngoại, đặc biệt là với các nước láng giềng, các nước trong khu vực, và trong các khuôn khổ hợp tác tiểu vùng Mê Công như hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng, khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Phát huy hiệu quả các khu kinh tế - quốc phòng, góp phần tăng cường thể trận quốc phòng - an ninh và thể trận lòng dân vững chắc ở địa bàn biên giới, địa bàn có nhiều đồng bào dân tộc. Đầu tư xây dựng một số công trình lưỡng dụng phục vụ phát triển kinh tế, đời sống của nhân dân và nhiệm vụ quốc phòng. Tiếp tục xây dựng đường tuần tra biên giới kết hợp làm đường dân sinh. Phối hợp với Cam-pu-chia phấn đấu hoàn thành khung pháp lý song phương về quản lý biên giới, quản lý cửa khẩu biên giới và phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền. Hợp tác chặt chẽ về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và chủ động triển khai các hoạt động giao lưu nhân dân với các nước bạn.

- Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc bảo đảm đồng bộ, toàn diện; tập trung có trọng điểm các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, các vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào các tôn giáo. Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu 5 và vùng Tây Nguyên vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; đầu tư nâng cao năng lực của lực lượng bảo đảm an ninh, trật tự cấp cơ sở. Đẩy mạnh và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục bảo đảm phù hợp với từng đối tượng, với đặc thù văn hoá, xã hội vùng Tây Nguyên. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo thế chủ động trong phòng ngừa và đấu tranh, kiên

quyết làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Nắm chắc và làm chủ tình hình, ngăn chặn, triệt phá kịp thời hoạt động gây rối, biểu tình, tấn công không gian mạng để giữ vững quốc phòng, an ninh toàn vùng và cả nước. Giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng Đề án bảo đảm an ninh, trật tự vùng Tây Nguyên và phụ cận trong tình hình hiện nay.

7. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các nghị quyết, kết luận, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh tạo chuyển biến thực sự trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Thực hiện hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của các cấp chính quyền; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên có bản lĩnh chính trị, tiên phong, gương mẫu về đạo đức và lối sống.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo; bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu hợp lý, có sự chuyển giao, kế thừa chặt chẽ giữa các thế hệ. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện lớp cán bộ kế cận, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân và vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng; đẩy mạnh hoạt động của các mô hình tự quản tại cộng đồng ở các cơ sở, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Đặc biệt quan tâm xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị; phát huy cao độ truyền thống văn hoá cách mạng, sự cần cù và ý chí tự lực, tự cường của nhân dân trong vùng. Xác định buôn làng là một bộ phận rất quan trọng và là địa bàn chủ yếu ở cấp cơ sở ở Tây Nguyên.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng Tây Nguyên:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại các Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, ngành, địa phương mình, kịp thời xử lý vấn đề

phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của Bộ, ngành, địa phương mình.

b) Trước ngày 31 tháng 12 năm 2022, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, văn bản cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết này, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ và phân công đơn vị chủ trì thực hiện.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề án được giao; định kỳ hằng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Đề nghị các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp chặt chẽ, quyết liệt với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết này.



PHỤ LỤC I

CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 15-NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	VỀ KINH TẾ			
1	Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2030 của Vùng	%	Khoảng 7 -7,5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	GRDP bình quân đầu người/năm	triệu đồng	Khoảng 130	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3	Cơ cấu GRDP của Vùng			Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	29,5	
	Công nghiệp - xây dựng	%	26,9	
	Dịch vụ	%	38	
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	5,6	
4	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân giai đoạn 2021-2030	%	Khoảng 6,5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5	Đóng góp của TFP vào tăng trưởng	%	Khoảng 39	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
6	Tỉ lệ đô thị hóa	%	37,2 - 40,7	Bộ Xây dựng
7	Tỉ trọng kinh tế số so với GRDP	%	25-30	Bộ Thông tin và Truyền thông
8	Tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	Khoảng 85	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	Trong đó, tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%	50	
	VỀ XÃ HỘI			
9	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	25-30	Bộ Lao động - Thương binh và xã hội
10	Tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân trên năm	Điểm %	1,0-1,5	Bộ Lao động - Thương binh và xã hội
	Tỉ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm	Điểm %	>3	
11	Tỉ lệ cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia			Bộ Giáo dục và Đào tạo
	Giáo dục mầm non	%	60	
	Tiểu học	%	65	
	Trung học cơ sở	%	75	
	Trung học phổ thông	%	60	
12	Số giường bệnh trên 1 vạn dân đến năm cuối kỳ	Giường bệnh	32	Bộ Y tế
13	Số bác sỹ trên 1 vạn dân đến năm cuối kỳ	Bác sỹ	11	
14	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	90	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	VỀ MÔI TRƯỜNG			
15	Tỉ lệ che phủ rừng	%	>47	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
16	Tỉ lệ sử dụng nước sạch của dân cư đô thị	%	100	Bộ Xây dựng
17	Tỉ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn	%	98	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18	Tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định	%	98	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	<i>Tỉ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, cơ sở y tế được thu gom xử lý</i>	%	100	
19	Tỉ lệ rác thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý theo quy định	%	95	Bộ Tài nguyên và Môi trường
20	Tỉ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	Bộ Kế hoạch và Đầu tư



PHỤ LỤC II

NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN CUỘC THI CHỌN TRINH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
TRÌNH KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÙNG TÂY NGUYÊN
(Kèm theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-CP ngày 11 năm 2022 của Chính phủ)

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
I	NHÓM GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG NHANH VÀ BỀN VỮNG					
1	Quyết định phê duyệt Quy hoạch Vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030; tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND các tỉnh và các Bộ, ngành có liên quan	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
2	Quyết định phê duyệt Quy hoạch Tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Các địa phương	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
3	Đề án báo cáo Chính phủ để trình Quốc Hội ban hành Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Vùng Tây Nguyên	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND các tỉnh và các Bộ, ngành có liên quan	Năm 2024	Chính phủ	
4	Quyết định về Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên trong liên kết vùng và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2030	Bộ Khoa học và Công nghệ	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam; Bộ Tài chính và các địa phương vùng Tây Nguyên	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
5	Quyết định về Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính	Năm 2026	Thủ tướng Chính phủ	

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
6	Quyết định về Chương trình công nghệ bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản và cơ giới hóa nông nghiệp giai đoạn đến năm 2030	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
7	Đề án thí điểm về cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các tỉnh	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
8	Đề án Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng hỗ trợ các địa phương ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các tỉnh	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
9	Chương trình phát triển Sâm Ngọc Linh	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các tỉnh	Năm 2022	Thủ tướng Chính phủ	
10	Đề án phát triển chăn nuôi gia súc bảo đảm môi trường và gắn với công nghiệp chế biến	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các tỉnh vùng TN	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
11	Đề án "Tăng cường thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ phát triển và lưu trữ năng lượng tái tạo vùng Tây Nguyên"	Bộ Công thương	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
12	Báo cáo rà soát tình trạng tranh chấp đất đai trên địa bàn Tây nguyên. Đề xuất phương án xử lý dứt điểm các vụ khiếu kiện, tranh chấp đất đai đang tồn đọng; chủ động phát hiện, xử lý sớm các nguy cơ dẫn đến tranh chấp, khiếu kiện đông người	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
13	Đề án phát triển kinh tế số vùng Tây Nguyên đến năm 2030	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
II	NHÓM GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ - XÃ HỘI VÀ NGUỒN NHÂN LỰC; NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN					
14	Đề án "Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên giai đoạn 2021-2030"	Bộ Lao động - Thương binh và xã hội	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
15	Đề án "Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"	Bộ Y tế	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
16	Đề án xây dựng trung tâm đào tạo chất lượng cao tại thành phố Buôn Ma Thuột, thành phố Đà Lạt	Bộ Giáo dục và đào tạo	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2024	Thủ tướng Chính phủ	
17	Đề án nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo cho đồng bào dân tộc Tây Nguyên	Bộ Giáo dục và đào tạo	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2024	Thủ tướng Chính phủ	
18	Đề án xây dựng Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nguyên	Bộ Y tế	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
III	NHÓM GIẢI PHÁP TẬP TRUNG HOÀN THIỆN THẺ CHẾ, CHÍNH SÁCH LIÊN KẾT VÙNG					
19	Đề án xây dựng thẻ chế, cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng, tiểu vùng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND các tỉnh và các Bộ, ngành có liên quan	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
20	Nghiên cứu sửa đổi chính sách tài chính, thuế đối với các dự án thủy điện có quy mô lớn và hoạt động xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu phù hợp, bảo đảm hài hòa giữa nguồn thu NSNN với ổn định, phát triển của địa phương	Bộ Tài chính	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2025	Thủ tướng Chính phủ	
IV	NHÓM GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM VỮNG CHẮC QUỐC PHÒNG, AN NINH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI					
21	Thúc đẩy sớm đàm phán, tiến tới ký kết Hiệp định về quản lý biên giới và Hiệp định cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia thay thế cho Hiệp định về Quy chế biên giới giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia ký ngày 20/7/1983	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2023-2025	Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ	

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
22	Phối hợp với Lào tổ chức kiểm tra liên hợp đường biên giới, tổng kết đánh giá 10 năm thực hiện Hiệp định về quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới đất liền giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 16/3/2016	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2026	Chính phủ	
23	Đề án tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội trên hướng chiến lược trọng điểm của Tổ quốc	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	



PHỤ LỤC III

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ HẠ TẦNG GIAO THÔNG KẾT NỐI PHÂN ĐẦU HOÀN THÀNH TRƯỚC NĂM 2030 VÙNG TÂY NGUYÊN

(Kèm theo Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ)

Số TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN	THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ KIẾN	Ghi chú
I	Các tuyến đường bộ				
1	Tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	
2	Tuyến cao tốc Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột	Bộ Giao thông vận tải / Địa phương	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	
3	Tuyến cao tốc Gia Nghĩa - Chơn Thành	Địa phương	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	
4	Tuyến cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc	Địa phương	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	
5	Tuyến cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương	Địa phương	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	
II	Cảng hàng không				
1	Mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Liên Khương lên cấp 4E	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	
2	Mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Pleiku lên cấp 4C	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	
3	Mở rộng Cảng hàng không Buôn Ma Thuột	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	
III	Đường sắt				
1	Khôi phục, cải tạo tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	